

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK TÔ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 24/6/2024

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK TÔ, TỈNH KON TUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Minh Hoàng và bà Y Khâm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024, về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ 15/5/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Thái B**, sinh năm 1979. Có mặt.

Nơi cư trú: **K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.**

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Bích T**, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Nơi cư trú cuối cùng: **Thôn C, xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.**

(Chị **T** đã bị Tòa án tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và và tại phiên tòa, nguyên đơn anh **Trần Thái B** trình bày:*

Tôi và chị **T** kết hôn với nhau vào ngày 10/10/2006, có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn Đ**, vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có với nhau 02 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến cuối tháng 10/2017 thì chị **T** bỏ nhà đi đến nay tôi và gia đình không liên lạc được, không biết đi đâu, làm gì. Tôi đã làm nhiều biện pháp để tìm kiếm trong vòng hơn 03 năm qua nhưng cũng không có tin tức gì nên tôi đã nộp đơn yêu cầu tuyên bố chị **T** mất tích.

Ngày 08/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô đã ban hành Quyết định số 01/2024/QĐST-VDS về việc tuyên bố chị **T** mất tích. Đến nay vẫn không có tin tức gì của chị **T**, vì vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với chị **T**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Trần Sỹ B1**, sinh ngày 20/05/2006 và **Trần Bội B2**, sinh ngày 23/3/2010. Các cháu hiện ở với tôi từ lúc mẹ bỏ đi. Hiện tại cháu **B1** đã đủ 18 tuổi và tự lập được nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết, tùy cháu quyết định. Còn cháu **B2** tôi đề nghị được nuôi.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Chị **Trần Thị Bích T** đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, mặc dù đã được Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ các tài liệu, văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa và không có lời khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh **Trần Thái B** được ly hôn với chị **Trần Thị Bích T**.

Về con chung: Giao con chung là **Trần Bội B2**, sinh ngày 23/10/2010 cho anh **B** nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Còn cháu **Trần Sỹ B1** đã đủ 18 tuổi, nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn khởi kiện của anh **Trần Thái B** đề ngày 20/3/2024, yêu cầu giải quyết ly hôn với chị **Trần Thị Bích T**, nơi cư trú cuối cùng **thôn C, xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum**. Vì vậy, căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Chị **Trần Thị Bích T** đã bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô tuyên bố mất tích nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh **Trần Thái B** và chị **Trần Thị Bích T** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2006 tại **UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum**, nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, sau đó chị **T** bỏ đi từ tháng 10/2017 đến nay, vợ chồng không có liên lạc, không biết chị **T** còn sống hay đã chết. Ngày 08/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô tuyên bố chị **T** mất tích theo Quyết định số 01/2024/QĐST-VDS. Xét thấy, vợ chồng không còn chung sống đã lâu,

mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh **B** được ly hôn với chị **T**.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Trần Sỹ B1**, sinh ngày 20/05/2006 và **Trần Bội B2**, sinh ngày 23/3/2010. Đến thời điểm xét xử, cháu **B1** đã đủ 18 tuổi, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu **B2**, hiện đang ở với anh **B** từ lúc mẹ bỏ đi, vì vậy tiếp tục giao cháu **B2** cho anh **B** nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự ;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 ; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình ;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Trần Thái B**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trần Thái B** được ly hôn với chị **Trần Thị Bích T**.

2. Về con chung: Giao cháu **Trần Bội B2**, sinh ngày 23/3/2010 cho anh **B** nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi 18 tuổi, tự lập được. Chị **T** không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị **Trần Thị Bích T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh **Trần Thái B** phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0001593 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum. Anh **B** đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/6/2024), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Tô;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA dân sự huyện Đăk Tô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Minh Huy